

Số: 07/QĐ-MNTSN

Tân Bình, ngày 06 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2025
của Trường Mầm non Tân Sơn Nhất**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2025 của trường Mầm non Tân Sơn Nhất (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, KT

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Xuân

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON TÂN SƠN NHẤT**

Chương: **622**

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số: 848/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND quận Tân Bình)

Chương: **622**

Loại: **070**

Khoản: **071**

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	12.015.316.000
I	Chi sự nghiệp kinh tế	
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	12.015.316.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	6.048.494.000
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	2.044.277.000
2.1	- Chính sách hỗ trợ giáo dục MN theo NQ 01/2014/NQ-HĐND và NQ01/2021/NQ-HĐND	777.492.000
2.2	- Chính sách thu hút giáo viên MN theo NQ số 04/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND	416.250.000
2.3	- Chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC	403.598.000
2.4	- Phụ cấp ưu đãi đv giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hoà nhập	0
2.5	- Hỗ trợ học phí trẻ em 5 tuổi * Trẻ em 5 tuổi: 160.000 đồng/ trẻ em/ tháng	171.360.000
2.6	- Chính sách miễn, giảm học phí theo NQ81/2021/NĐ-CP	0
2.7	- Chính sách hỗ trợ học phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	
2.8	- Chính sách hỗ trợ học phí đối với học sinh là người dân tộc thiểu số theo NQ23/2022/NQ-HĐND	0
2.9	- Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí học sinh khối THCS theo NQ37/2024/NQ-HĐND * Trung học cơ sở: 60.000 đồng/ học sinh/ tháng	0
2.10	- Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo theo NĐ số 105/2020/NĐ-CP	0
2.11	- Chính sách hỗ trợ nhân viên y tế theo QĐ06/2015/QĐ-UBND	0
2.12	- Kinh phí sửa chữa hè	0
2.13	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	275.577.000
3	Nguồn cải cách tiền lương ngân sách phân bổ	3.922.545.000
4	Cân đối từ nguồn CCTL của đơn vị	567.555.000
III	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
IV	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
V	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
VI	Chi đảm bảo xã hội	
VII	Chi quản lý hành chính	
VIII	Chi quốc phòng an ninh	